

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ kết quả đánh giá, thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm" thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014, mã số **VIMCERTS 060** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm
thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 3559/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số (Đo tại hiện trường)

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2.	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	0 ÷ 60°C

- Lấy mẫu và bảo quản:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng
1.	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016 TCVN 6663-6:2008; TCVN 5994: 1995

1.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/ số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5 mg/l
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2012	3 mg/l
3.	Nhu cầu oxi sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001 -1: 2008	1,5 mg/l
4.	Nitrit (NO ₂ ⁻)	TCVN 6178:1996	0.003 mg/l
5.	Nitrat(NO ₃ ⁻)	TCVN 6180:1996	0.02mg/l
6.	Kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996	0.01mg/l
7.	Chì (Pb)	SMEWW 3113B : 2012	2 µg /l
8.	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0.02 mg/l
9.	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996	0.02 mg/l
10.	Amoni (NH ₄ ⁺)	EPA Method 350.2	0.03 mg/l
11.	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B: 2012	0.3 mg/l
12.	Phosphát (PO ₄ ³⁻)	TCVN 6202 : 2008	0.007 mg/l
13.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	3 mg/l
14.	Coliform	TCVN 6187-1:2009	1VK/100ml